

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ QUY NHƠN Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
TỈNH BÌNH ĐỊNH

Bản án số: 419/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 21-05-2025

“V/v ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN - TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đông Thiên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Ron
2. Bà Lê Thị Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn:

Ông Trần Võ Phong - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án HNGĐ thụ lý số 165/2025/TLST- HNGĐ ngày 11.3.2025 về việc Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 113/2025/QĐXX-ST ngày 23 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Đặng Văn P, sinh năm 1964

Địa chỉ : thôn H, xã P, huyện T, tỉnh B

Bị đơn : Bà Trần Thị Kim C, sinh năm 1968

Địa chỉ : 98 Hai Bà T, thành phố Q, tỉnh B

Hai bên đương sự có mặt tại phiên tòa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo nguyên đơn ông Đặng Văn P trình bày :

+ *Quan hệ hôn nhân*: Ông và bà C tự nguyện tìm hiểu thời gian khoảng 03 năm, sau đó đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phước Hoà, huyện Tuy Phước vào năm 1990. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau một thời gian phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân mâu thuẫn do quan điểm sống bất đồng, ông nghi ngờ bà C có quan hệ với người đàn ông khác bên ngoài và vợ chồng sống ly thân từ năm 2009 đến nay. Nay ông thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung nặng nề, ông xin ly hôn bà C

+ *Quan hệ con chung*: Ông bà có 02 con chung cháu Đặng Diệu U, sinh năm 1990; cháu Đặng Trúc V sinh năm 2003, sức khoẻ 2 cháu bình thường; các cháu đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa giải quyết

+ *Quan hệ tài sản chung, nợ chung*: không yêu cầu Tòa giải quyết.

* *Bị đơn bà Trần Thị Kim C trình bày*:

+ *Quan hệ hôn nhân*: Bà thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn về điều kiện kết hôn; về nguyên nhân mâu thuẫn do ông P gia trưởng, không tôn trọng vợ; bà nghi ngờ ông P có người phụ nữ khác bên ngoài. Nay ông P xin ly hôn; bà không đồng ý ly hôn vì lo con cái tổn thương, ảnh hưởng tới tài sản chung.

+ *Quan hệ con chung*: Ông bà có 02 con chung cháu Đặng Diệu U, sinh năm 1990; cháu Đặng Trúc V sinh năm 2003, sức khoẻ 2 cháu bình thường; các cháu đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa giải quyết

+ *Quan hệ tài sản chung, nợ chung*: không yêu cầu Tòa giải quyết.

Ý kiến đại diện VKSND thành phố Quy Nhơn tham dự phiên tòa phát biểu:

Về việc tuân thủ theo pháp luật tố tụng của thẩm phán, HĐXX, thư ký phiên Tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án: đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự quy định.

Về nội dung vụ án: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông P; án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, có tại hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định :

[1] *Về quan hệ hôn nhân*:

Ông P và bà C tự nguyện tìm hiểu thời gian khoảng 03 năm, sau đó đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phước Hoà, huyện Tuy Phước vào năm 1990, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn theo ông P do quan điểm sống bất đồng, ông P nghi ngờ bà C có quan hệ với người đàn ông khác bên ngoài; còn bà C khai báo do ông P gia trưởng, không tôn trọng vợ; bà nghi ngờ ông P có người phụ nữ khác bên ngoài. Toà đã tiến hành đối chất, hoà giải nhưng 2 bên không thống nhất nên phải đưa ra xét xử công khai.

Toà xét:

Ông P và bà C ly thân từ năm 2009 đến nay, ông P về sống tại thôn H, xã P, huyện T, tỉnh B, còn bà C sống tại 98 Hai Bà T, thành phố Q, tỉnh B, xét thấy thời gian ông bà ly thân đã lâu; bản thân bà C ngại sợ ly hôn ảnh hưởng đến con cái dù các con đã trưởng thành, sợ sau khi ly hôn ông P đòi chia tài sản chung nên bà không đồng ý ly hôn; cả ông P và bà C đều nghi ngờ lẫn nhau có người khác giới bên ngoài, thiếu tin tưởng lẫn nhau. Qua phân tích tại phiên toà cũng như các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ HĐXX xét thấy thực sự tình cảm vợ chồng của ông bà không còn, thời gian hàn gắn đã lâu nhưng bản thân ông bà không có thiện chí quay lại sống với nhau; hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16.5.2024 nên HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông P.

[2] *Về quan hệ con chung:* Vợ chồng ông bà có 02 con chung cháu Đặng Diệu U, sinh năm 1990; cháu Đặng Trúc V sinh năm 2003, sức khoẻ 2 cháu bình thường. Hiện nay các cháu đã trưởng thành, không yêu cầu toà giải quyết; nên HĐXX không xem xét.

[3] *Về quan hệ tài sản chung, nợ chung:* không yêu cầu, HĐXX không xem xét giải quyết.

- Ý kiến của đại diện VKSND thành phố Quy Nhơn tham dự phiên tòa về nội dung phù hợp theo hướng nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

[5] *Về án phí:* Ông P sinh năm 1964, trên 60 tuổi, căn cứ điểm đ khoản 1 điều 12 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 về án phí, lệ phí Toà án và điều 2 luật số 39/2009/QH12 ngày 23.11.2009 Luật người cao tuổi được xét miễn nộp án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 về án phí, lệ phí Tòa án

Căn cứ Điều 2 luật số 39/2009/QH12 ngày 23.11.2009 Luật người cao tuổi

Tuyên xử :

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Cho ông Đặng Văn P ly hôn bà Trần Thị Kim C.

2. *Về quan hệ con chung:* Ông Đặng Văn P và bà Trần Thị Kim C thống nhất có 02 con chung cháu Đặng Diệu U, sinh năm 1990; cháu Đặng Trúc V sinh năm 2003, sức khoẻ 2 cháu bình thường; các cháu đã trưởng thành, không yêu cầu Toà án không giải quyết

3. *Về quan hệ tài sản chung, nợ chung:* Không yêu cầu, Tòa không giải quyết.

4. *Về án phí HNGĐ-ST:* Ông Đặng Văn P được xét miễn nộp án phí

5. *Về quyền kháng cáo:*

Các đương sự có mặt tại phiên Tòa được quyền kháng cáo án này trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án; riêng các đương sự vắng mặt tại phiên Tòa có quyền kháng cáo án này trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản sao bản án được niêm yết tại ủy ban nhân dân phường sở tại.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- Các đương sự.
- VKSND Tp. Quy Nhơn
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Đông Thiên